TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DSST
Ngày 05/5/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Trần Công Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Thư ký toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-DS ngày 13/01/2020 về việc tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QDDXXST-DS ngày 02/3/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố DP, phường XT, thị xã SC, tỉnh PY. *Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2019 có:* Ông Trần Định Khải, sinh năm 1997. Địa chỉ liên lạc: 654 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976; bà Trương Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố DP, phường XT, thị xã SC, tỉnh PY. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 18/12/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T do người đại diện hợp pháp trình bày được tóm tắt như sau:***

Bà Trần Thị T là chủ đại lý thức ăn cho cá tại khu phố Vạn Phước, phường XT, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Trong thời gian buôn bán cám tại đây, thì vợ chồng bị đơn là Nguyễn Văn L, Trương Thị H có mua thức ăn cho cá.

Đến ngày 10/7/2019, vợ chồng ông L, bà H có viết giấy xác nhận nợ số tiền mua cám là 487.300.000đ và hứa sau khi thu hoạch cá xong sẽ thanh toán đầy đủ cho bà T. Tuy nhiên, đến nay, vợ chồng L, H vẫn không thanh toán số tiền nợ 487.300.000đ nên khởi kiện yêu cầu vợ chồng Nguyễn Văn L, Trương Thị H phải trả cho bà Trần Thị T số tiền mua cám còn nợ là 487.300.000đ (bốn trăm tám mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tiền kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Bị đơn là vợ chồng Nguyễn Văn L, Trương Thị H trình bày được tóm tắt như sau:*

Ông L trình bày: Ông L không biết đến việc nợ nần giữa bà Trương Thị H với bà Trần Thị T. Nếu bà H có nợ bà T thì bà H làm mướn trả tiền cho bà T; còn ông L thì không làm ăn, không liên quan gì đến bà T; ông L không có nợ tiền mua cám của bà T như nội dung khởi kiện của nguyên đơn nêu.

Đối với giấy xác nhận nợ do nguyên đơn cung cấp thì ông L xác định không viết và ký vào giấy này.

Bà H trình bày: Bà H thừa nhận có mua cám và còn nợ bà Trần Thị T số tiền 487.300.000đ. Ngày 10/7/2019, bà H có ký vào giấy xác nhận nợ tiền mua cám do bà T viết, bà H ký cả tên của ông L.

Số nợ này là do bà H mua cám để nuôi cá, là hoạt động kinh tế gia đình. Nay bà T khởi kiện thì bà H không có khả năng trả nợ một lần nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu quan điểm:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 430, 440, 357 và 468 BLDS, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là vợ chồng Nguyễn Văn L, Trương Thị H phải thanh toán trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ của hợp đồng mua bán tài sản là 487.300.000đ và tiền lãi chậm trả tiền kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn Trương Thị H đều thống nhất tình tiết là bà H có mua cám và còn nợ bà T số tiền 487.300.000đ, hai bên chốt nợ vào ngày 10/7/2019.

Việc mua cám nuôi cá của bà H là hoạt động kinh tế tạo thu nhập đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, là nghĩa vụ chung của vợ chồng quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông L, bà H phải trả nợ là có căn cứ chấp nhận, buộc vợ chồng Nguyễn Văn L, Trương Thị H phải trả cho bà Trần Thị T số tiền còn nợ của hợp đồng mua bán tài sản theo giấy nhận nợ lập ngày 10/7/2019 là 487.300.000đ.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Do các bên không có thỏa thuận lãi chậm trả tiền nên kể từ ngày khởi kiện 18/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 05/5/2020, vợ chồng Nguyễn Văn L, Trương Thị H còn phải trả lãi chậm trả tiền trên số nợ gốc 487.300.000đ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, tương ứng với số tiền: 487.300.000đ x 10%/năm x 4 tháng 17 ngày = 18.544.471đ.

[4] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nên bị đơn là vợ chồng Nguyễn Văn L, Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị còn phải thi hành 505.844.471đ, tương ứng số tiền: 20.000.000đ + (105.844.471đ x 4%) = 24.233.778đ.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền 10.873.000đ tạm ứng án phí đã nộp có tại biên lai thu tiền số 468 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các điều 430, 440, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

+ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T, buộc vợ chồng ông bà Nguyễn Văn L, Trương Thị H phải thanh toán trả cho bà Trần Thị T số tiền còn nợ của hợp đồng mua bán tài sản là 487.300.000đ (bốn trăm tám mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng). Tiền lãi chậm trả tiền là 18.544.471đ (mười tám triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng). Tổng cộng: 505.844.471đ (năm trăm linh năm triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng).

[2] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

[3] Về án phí: Vợ chồng ông bà Nguyễn Văn L, Trương Thị H phải nộp 24.233.778đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền 10.873.000đ (mười triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại biên lai thu tiền số 468 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã Sông Cầu;
- Chi cục thi hành án Thị xã Sông Cầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thơ Hiền